

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN
TẢI THỦY BỘ KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY BỘ
KIÊN GIANG

Tháng 6 năm 2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY BỘ KIÊN GIANG
ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI BỔ SUNG**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/ 2014/ QH 13 được Quốc Hội Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua có hiệu lực thi hành ngày 1/7/2015;

Hôm nay ngày 28 tháng 01 năm 2016 tại Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải thủy bộ Kiên Giang. Chúng tôi những người được uỷ quyền đại diện vốn cổ đông và các cổ đông sở hữu cổ phần, tiến hành sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần vận tải thủy bộ Kiên Giang, cùng nhất trí thông qua nội dung của bản Điều lệ sửa đổi bổ sung và cùng cam kết thực hiện những quy định trong bản Điều lệ này.

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Công ty cổ phần Vận tải thủy bộ Kiên Giang được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Vận tải thủy bộ Kiên Giang, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

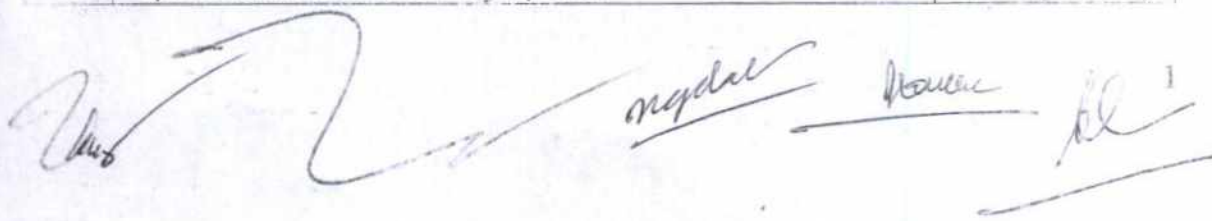
Công ty cổ phần Vận tải thủy bộ Kiên Giang có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại, hạch toán kinh tế độc lập.

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Vận tải thủy bộ Kiên Giang.
- Tên giao dịch đối ngoại: KIÊN GIANG LAN- ROUTE AND SIHP TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY.
- Tên giao dịch đối ngoại gọi tắt: KIGILANSHI.J.S.CO.
- Địa chỉ: Đường số 3 (KVBX tỉnh KG) ấp Sua Đũa, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.
- Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số: 1700106035 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 28/4/2006; Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/09/2015
- Điện thoại; 0773.864230 Fax: 0773. 914208
- Hình thức hoạt động của doanh nghiệp: Công ty cổ phần.

Điều 2: Công ty cổ phần Vận tải thủy bộ Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập vì mục tiêu là kinh doanh phải có hiệu quả, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp; Huy động vốn của cá nhân, tổ chức kinh tế để đầu tư và đổi mới công nghệ, phát triển doanh nghiệp; Phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, của các cổ đông; Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.

Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932 (Chính)



	Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	
2	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải bằng tắc xt, bằng đường bộ khác	4931
3	Vận tải bằng xe buýt	4920
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5221
5	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
6	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hành khách ven biển	5011
7	Bốc xếp hàng hoá Chi tiết: Bốc xếp hàng hoá đường bộ	5224
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
9	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
10	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
11	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
12	Tái phế liệu Chi tiết: Mua bán sắt thép, phế liệu, phà, ô tô cũ, tàu thuyền cũ làm phế liệu, phế liệu kim loại màu	3830
13	Bán hàng hoá đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Mua bán phụ tùng cũ, tháo dỡ xe cũ, bán các phụ tùng, máy móc, xe cũ có động cơ	4774
14	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở tương tự	5510
15	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
16	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Dịch vụ ăn uống, ăn uống khác	5629
17	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá Chi tiết: Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ vận tải. Kho bãi và lưu giữ hàng hoá	5210
18	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết: Sửa chữa tàu thuyền, xà lan, ca nô	3315
19	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Buôn bán xăng lốp có động cơ	4659
20	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4653

	Chi tiết: Bán buôn máy nông ngư cơ	
21	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933
22	Cho thuê Ki ốt kinh doanh mục đích khác (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)	Ngành nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành Kinh tế VN

Điều 3: Vốn Điều lệ

- Vốn điều lệ là: **21.146.000.000đ.**
- Mệnh giá là 10.000 đ mỗi cổ phần
- Tổng số cổ phần: 2.114.600 cổ phần
- Trong đó:
- + Tổng số cổ phần công ty bán lần đầu là: **1.287.472 cổ phần**

Điều 4: Cơ cấu cổ phần tại thời điểm Điều lệ được bổ sung sửa đổi

A. Công ty TNHH một thành viên Du lịch – Thương mại Kiên Giang Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1700523208. do Sở Kế hoạch và Đầu tư Kiên Giang cấp lần đầu ngày 30. tháng 6 năm 2006; Thay đổi lần 3 ngày 28/02/ 2015
Trụ sở chính: số 190 đường Trần Phú, TP. Rạch Giá - Kiên Giang.

- Số lượng Cổ phần hiện nắm giữ tại Cty: 1.102.821 CP; chiếm tỷ lệ: 85,66%; (Tổng số cổ phần bán lần đầu)

B. Số lượng Cổ phần người lao động trong Công ty và các cổ đông ngoài hiện nắm giữ: 184.651 CP; chiếm tỷ lệ: 14,34%; (Tổng số cổ phần bán lần đầu)

Điều 5: Cổ phần và cổ phiếu của Công ty

1. Cổ phần:

- Công ty chỉ có một loại cổ phần là cổ phần phổ thông.

2. Cổ phiếu:

Cổ phiếu của Công ty là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.

Cổ phiếu có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty
- b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần
- c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên phiếu;
- d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức

Điều 6: Chào bán, chuyển nhượng cổ phần.

A/ Chào bán cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán cổ phần và quyết định hình thức chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán, với những hình thức chào bán sau:

- a. Chào bán cho các cổ đông hiện hữu

- b. Chào bán ra công chúng
- c. Chào bán cổ phần riêng lẻ.

- Trừ các trường hợp chào bán sau đây;

- a- Cổ phần chào bán lần đầu tiên sau khi đăng ký kinh doanh;
- b- Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;

c- Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc cho người bảo lãnh. Trong trường hợp này, giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới và bảo lãnh. Hoa hồng được xác định bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán.

B/ Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần được chuyển nhượng thực hiện bằng hợp đồng thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện diện uỷ quyền của họ ký, nội dung hợp đồng ghi đúng và đủ những thông tin: tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần; Kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty. Trường hợp chuyển nhượng qua giao dịch chứng khoán thì thực theo quy định của pháp luật. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại

2. Sau khi thanh toán đủ cổ phần đăng ký mua, Công ty cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị huỷ hoại hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay cho Công ty và đề nghị Công ty cấp lại cổ phiếu (Áp dụng loại cổ phiếu có ghi tên) và phải trả phí cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

a. Phải nêu rõ lý do không còn cổ phiếu, trường hợp bị mất thì phải cam kết cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm được sẽ đem trả lại cho Cty để tiêu hủy.

b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 7: Phát hành trái phiếu.

1. Khi có nhu cầu, Công ty sẽ phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác. Việc phát hành trái phiếu được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.

Điều 8: Mua cổ phần, trái phiếu.

Cổ phần, trái phiếu của Công ty được mua bằng tiền Việt Nam hoặc các loại tài sản khác như: giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật,... do Hội đồng quản trị quyết định theo nguyên tắc phải đảm bảo lợi ích của Công ty.

Thời hạn, phương thức thanh toán tiền mua cổ phần, trái phiếu của Công ty do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 9: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty, có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ đông từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 điều này theo giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có quyền yêu cầu tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Cty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 10: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty.

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo quy định như sau:

1. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần từng loại đã được chào bán trong 12 tháng

2. Trường hợp khác việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại các cổ phần đã bán, nhưng không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại.

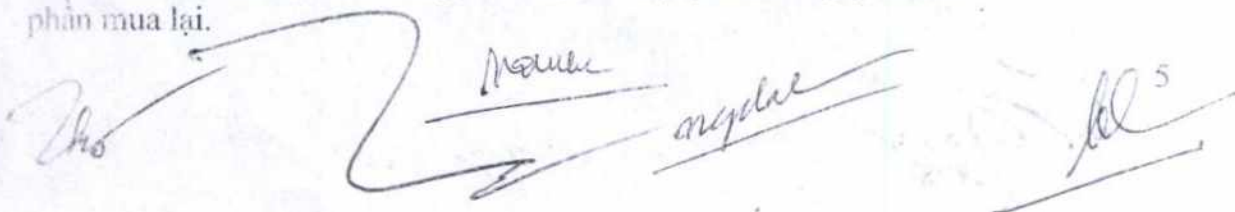
4. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Thông báo phải có tên và trụ sở Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo.

Điều 11: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại các Điều 9 và 10 của bản Điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

2. Tất cả các cổ phần được mua lại theo quy định tại các Điều 9 và 10 nêu trên được coi là cổ phần chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán.

3. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10%, thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.



Điều 12: Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm. Việc chấm dứt hoặc gia hạn thời gian hoạt động của Công ty do Đại hội Cổ đông quyết định và thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 13: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật.

CHƯƠNG II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 14: Quyền của cổ đông:

1. Tham dự, biểu quyết và quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; mỗi cổ phần có một phiếu biểu quyết;
2. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
3. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần của cổ đông trong Công ty;
4. Khi Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ theo quy định của pháp luật;
5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật;
6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 3% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng, có quyền:
 - a- Đề cử người ứng cử vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - b- Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
 - c- Xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15: Nghĩa vụ của cổ đông:

1. Thanh toán đầy đủ số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Cty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;
2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 16: Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban giám đốc.
- Ban Kiểm soát.
- Các phòng, ban chuyên môn và các cơ sở trực thuộc Công ty.

Điều 17: Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Thông qua định hướng phát triển Công ty
 - b- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - c- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - d. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Quyết định tăng giảm vốn điều lệ Công ty.
 - d. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm
 - e. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán mỗi loại;
 - g. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
 - h. Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
 - i. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 18: Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

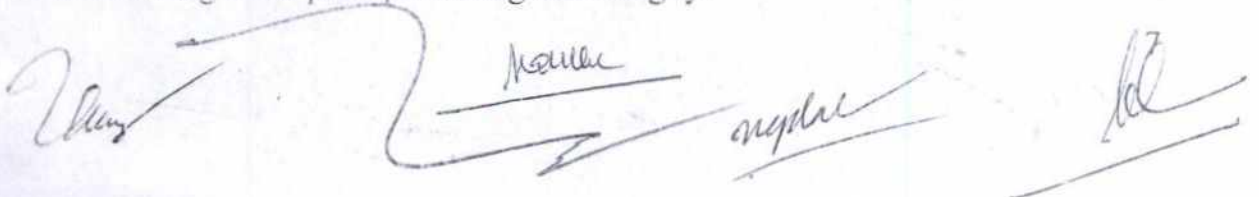
1. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần.
2. Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp:
 - a- Theo quyết định của Hội đồng quản trị;
 - b- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty;
 - c- Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

Điều 19: Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng các hình thức:
 - Gửi thông báo mời họp gửi đến tất cả cổ đông
 - Đăng trên trang Web của Công ty;
 - Đăng trên các trang báo địa phươngTrước 07 ngày trước khai mạc đại hội.
2. Kèm theo thông báo mời họp phải có chương trình họp và các tài liệu thảo luận làm cơ sở để thông qua quyết định.
3. Tất cả cổ đông đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp vắng mặt có thể ủy quyền bằng văn bản cho cổ đông khác đi dự.

Điều 20: Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông:

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 60% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty.



3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 21: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi:

a- Được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

b- Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; bán 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

4. Trong thời gian 90 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a- Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

b- Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Cty.

5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông vẫn có hiệu lực thi hành khi chưa có quyết định của Tòa án hủy bỏ theo yêu cầu.

Điều 22: Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị của Công ty có năm thành viên, gồm có một Chủ tịch, một phó chủ tịch và ba ủy viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm.

2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b. Cổ đông là cá nhân sở hữu hoặc được uỷ quyền đại diện sở hữu ít nhất 3% tổng số cổ phần phổ thông hoặc cổ đông sở hữu ít hơn 3% tổng số cổ phần, người không phải là cổ đông thì phải có chuyên môn nghiệp vụ, có năng lực kinh doanh và kinh nghiệm trong quản lý doanh nghiệp hoặc trong ngành nghề mà công ty đăng ký kinh doanh.

c. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

d. Thành viên Hội đồng Quản trị không được là người có liên quan đến Giám đốc và người quản lý trong Công ty, theo quy định của pháp luật

3. Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nghĩa vụ như sau:

a- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Cty.

b- Kiến nghị lại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động vốn theo hình thức khác;

d- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty

đ- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định.

e- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật ;

g- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h- Thông qua các Quyết định đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ báo cáo tài chính của Công ty gần nhất;

i- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó;

k.- Giám sát chỉ đạo Giám đốc và phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong điều hành việc kinh doanh hằng ngày của Công ty

l- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty; quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;

m- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

n- Trình báo cáo tài quyết toán chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o- Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể , yêu cầu phá sản Công ty

q- Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 23: Chủ tịch Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

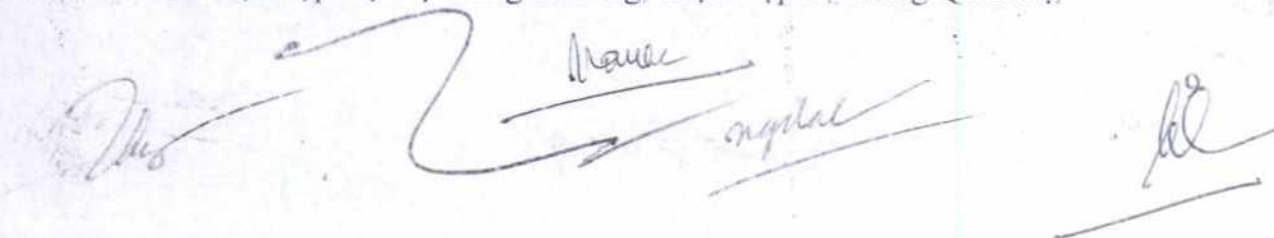
a- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b- Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c- Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

d- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

đ- Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng Quản trị;



e- Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 24: Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ mỗi quý một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của Công ty do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc, hoặc Ban Kiểm soát, hoặc trên 50% số thành viên Hội đồng quản trị đề nghị. Hội đồng Quản trị khi không có công việc cần thiết thì không nhất thiết phải tổ chức họp 1 quý một lần mà thời gian họp định kỳ có thể dài hơn.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và chủ trì tất cả các cuộc họp của Hội đồng; Trường hợp vắng mặt vì lý do chính đáng, Chủ tịch ủy nhiệm cho Phó chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì cuộc họp.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ hai phần ba tổng số thành viên trở lên tham dự. Các tài liệu họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị và các đại biểu được mời dự họp trước ngày họp năm ngày. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình.

4. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị.

5. Khi Hội đồng quản trị họp để xem xét những vấn đề về chiến lược phát triển, quy hoạch và kế hoạch năm năm và hàng năm, các dự án đầu tư, các dự án liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp khác, báo cáo tài chính hàng năm, ban hành hệ thống định mức, tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật của Công ty thì có thể mời đại diện Ủy ban nhân dân các cấp dự họp; Trường hợp có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động trong Công ty thì phải mời đại diện Công đoàn đến dự.

6. Quyết định của Hội đồng quản trị có tính bắt buộc thi hành đối với toàn Công ty. Trong trường hợp ý kiến của Giám đốc khác với quyết định của Hội đồng quản trị, Giám đốc có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo ngay với Hội đồng quản trị bằng văn bản để xử lý; trong thời gian chưa có quyết định xử lý, Giám đốc vẫn phải chấp hành quyết định của Hội đồng quản trị.

7. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát do Công ty đài thọ; riêng khoản tiền thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát được tính trừ vào phần lợi nhuận sau thuế trước khi chi trả cổ tức cho cổ đông. Giám đốc bảo đảm các điều kiện và phương tiện cần thiết cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát làm việc.

Điều 25: Quyền lợi và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:

1. Các thành viên chuyên trách (nếu có) được hưởng lương theo chế độ tiền lương của Công ty, được hưởng tiền thưởng tương ứng với hiệu quả kinh doanh của Công ty. Các thành viên kiêm nhiệm được hưởng thù lao và tiền thưởng theo quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị:

a- Không được đặt mình vào vị thế nào làm hạn chế tính lương thiện, chí công vô tư hoặc gây mâu thuẫn giữa lợi ích Công ty và lợi ích cá nhân.

b- Không được lợi dụng chức vụ để trục lợi hoặc có hành động làm thiệt hại lợi ích Công ty.

c- Không được hành động vượt quyền hạn của Hội đồng quản trị đã được quy định theo pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị cùng chịu trách nhiệm trước cổ đông Công ty và pháp luật về nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị; Trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ được giao, vi phạm quy chế hoạt động, quyết định sai hoặc vượt thẩm quyền, lạm dụng chức quyền, gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất đối với các thiệt hại do mình gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 26: Quyền được cung cấp thông tin của các thành viên Hội đồng quản trị:

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, kế toán trưởng, cán bộ quản lý các bộ phận trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 27: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a- Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b- Từ chức;

c- Các trường hợp khác

2. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp một số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định của Điều lệ Công ty, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 28: Giám đốc:

1. Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a- Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;

b- Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

c- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Cty;

d- Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Cty;

đ- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị quyết định, sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản trị;

e- Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g- Tuyển dụng lao động

h- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh

i- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 29: Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được Giám đốc phân công và ủy quyền thực hiện.

Điều 30: Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có ba thành viên, trong đó phải có thành viên có chuyên môn kỹ thuật về ngành sản xuất kinh doanh chính của Công ty; một thành viên có chuyên môn về tài chính kế toán hoặc kiểm toán viên. Trưởng ban kiểm soát phải là cổ đông có chuyên môn kế toán.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát là 05 năm. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bổ nhiệm lại; trong quá trình công tác, nếu không hoàn thành nhiệm vụ sẽ bị thay thế.

3. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

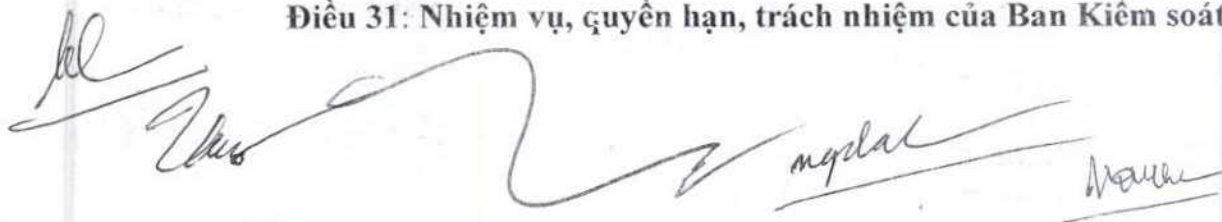
b. Không phải là vợ, hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con nuôi, chị ruột, em ruột, của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc người quản lý khác trong Công ty.

c. Không được giữ các chức vụ quản lý khác trong Công ty; Không nhất thiết là phải cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

d. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và điều lệ Công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát được hưởng thù lao và tiền thưởng do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 31: Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Ban Kiểm soát:



1. Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý điều hành Công ty
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và báo cáo tài chính;
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp, trung thực của báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông
4. Rà soát, kiểm tra đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác, từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty. Khi có yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần của Công ty.
6. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát ; tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị của Ban Kiểm soát lên Đại hội đồng cổ đông.
7. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo khác của Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Kiến nghị giải pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
9. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

CHƯƠNG IV: TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY

Điều 32: Việc tổ chức ghi chép sổ sách và hạch toán kế toán của Công ty theo quy định của Luật kế toán và hướng dẫn của Bộ tài chính

Năm Tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 33: Việc phân phối thu nhập của Công ty được thực như sau:

1. Thu nhập của Công ty được xác định như sau:

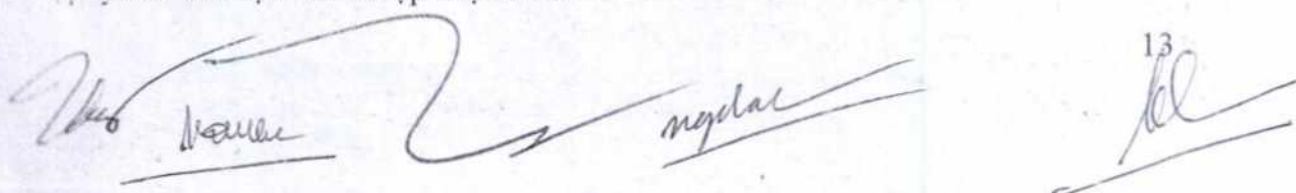
Thu nhập = Doanh thu không có thuế trừ (-) Tổng chi phí kinh doanh trừ (-) Thuế thu nhập doanh nghiệp

2. Phân phối thu nhập của Công ty:

a-Bù lỗ các khoản các năm trước không được trừ vào lợi nhuận trước thuế (nếu có)

b-Trả tiền phạt vi phạm pháp luật Nhà nước như vi phạm các Luật thuế, Luật môi trường, Luật thương mại, và Quy chế hành chính,.....sau khi trừ tiền bồi thường của tập thể hoặc cá nhân gây ra (nếu có)

c- Trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế.



d- Chia lãi cho các đối tác góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu có)

đ- Thu nhập còn lại sau khi trừ các khoản nêu trên được phân phối như sau:

- Trích từ 5% đến 10% vào Quỹ đầu tư phát triển.

- Trích từ 05% đến 20% vào quỹ khen thưởng, phúc lợi nhưng không vượt quá 3 tháng lương thực hiện để chi khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và những tổ chức, cá nhân có quan hệ hỗ trợ, hợp tác với Công ty

Mức trích cụ thể hàng năm do Hội đồng Quản trị quyết định trên cơ sở hiệu quả kinh doanh của Công ty

Hội đồng quản trị sau khi tham khảo ý kiến của BCH Công đoàn, Công ty quyết định tỷ lệ phân chia giữa quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi hàng năm.

Số còn lại chia lãi cho cổ đông của Công ty

Điều 34: Trả cổ tức

1. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn phải trả.

2. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo trả cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo bằng thư, đăng trên trang Web Công ty và trên trang báo địa phương; phải ghi rõ tên địa chỉ Công ty, tên, địa chỉ của cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, phương thức trả cổ tức.

3. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

Điều 35: Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức.

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định khoản 1 Điều 11 hoặc cổ tức trái với quy định tại khoản 1 điều 34 của bản điều lệ này, thì tất cả cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận; trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty.

CHƯƠNG V: TỔ CHỨC LẠI HOẶC GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 36: Việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty do Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

Điều 37: Trình tự tổ chức lại hoặc giải thể Công ty được tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38: Tất cả các cổ đông và các thành viên trong Công ty có trách nhiệm chấp hành điều lệ này.

Điều 39: Trường hợp cần bổ sung, sửa đổi điều lệ của Công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định

Điều lệ này gồm có 6 chương, 39 điều, đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông Công ty và được lập thành 8 bản có giá trị ngang nhau. Các bản trích hoặc bản sao phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty mới có giá trị.

**CÁC THÀNH VIÊN HĐQT
(KÝ TÊN)**

Trần Đình Thìn

Nguyễn Quốc Đạt

Huỳnh Thanh Nguyên

Nguyễn Chấn Hưng

Kiên Giang, ngày 13 tháng 6 năm 2016

CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Minh Khoa